

Bản án: 694/2025/DS-PT

Ngày 19 - 6 - 2025

V/v: “tranh chấp quyền sử dụng
đất và hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3074/2025/QĐ-PT ngày 9 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Thiện L, sinh năm 1949. Địa chỉ: Khóm D, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Ông Trần Thiện T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1962. Địa chỉ: số A, Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Ông Trần Thiện H, sinh năm 1964. Địa chỉ: đường N, Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thiện L, Trần Thiện T và Trần Thiện H: Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1962. Địa chỉ: số A, Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

5. Trần Thiện M, sinh năm 1950 (đã chết ngày 26/12/2023).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thiện M:

5.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5.2. Chị Trần Thị Xuân T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5.3. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5.4. Anh Trần Văn S, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5.5. Anh Trần Thiện T3, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5.6. Anh Trần Thiện T4, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5.7. Chị Trần Thiện L1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Thiện T5, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số G, Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Trần Thị Tuyết M1, sinh năm 1962. Địa chỉ: C, S. 95035, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Tuyết M1: Ông Trần Thiện L, sinh năm 1949. Địa chỉ: Khóm D, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bà Trương Trúc L2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

3. Anh Trần Thiện A, sinh năm 1999 (vắng mặt).

4. Chị Trần Thiện Thảo N1, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số G, Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ông Trần Thiện M2. Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

6. Ông Trương Thanh H2, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Duy C. Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

6. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Trụ sở: Khóm 1, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T6. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** nguyên đơn là ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Thiện H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện H, bà Trần Thị Tuyết N, ông Trần Thiện M, ông Trần Thiện T là nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1968 là của cha mẹ các ông bà là cụ Trần Văn T7 (chết năm 1972), cụ Nguyễn Thị Q (chết năm 1985) nhận chuyển nhượng của ông Tư Đ (chết) 36 công tầm cây (trong đó có phần đất tranh chấp hiện nay). Khi nhận chuyển nhượng thì trên đất tranh chấp hiện nay có 7 - 8 ngôi mộ. Khi cụ T7 chết, thì mẹ các ông bà có cho các con đất để canh tác, riêng phần đất tranh chấp thì để làm đất chôn mã dùi để chôn cất người thân và người dân địa phương ai không có đất chôn thân nhân khi qua đời thì gia đình ông bà cho chôn cất. Có người chôn cất thân nhân có đến hỏi ý kiến gia đình ông bà, cũng có người không hỏi ý kiến gia đình ông bà, nhưng gia đình ông bà vẫn cho chôn cất.

Khi ông Trần Thiện L3 là cha ông T5 còn sống, vào khoảng năm 2008 ông T5 có xin anh em các ông bà phần đất tranh chấp để sau này ông L3 chết thì có đất chôn cất. Đến năm 2010 ông L3 chết, nhưng ông T5 không chôn cất trên phần đất đã xin mà chôn cất tại nhà mồ chôn cất cha mẹ các ông bà, khi đó ông bà cũng đồng ý không có ý kiến gì; ông T5 tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp để cất nhà ở; nay chỉ còn diện tích 207,6m² ông T5 chưa sử dụng, nên ông bà yêu cầu ông T5 giao trả. Đối với phần đất ông T5 cất nhà ở, ông bà không tranh chấp; chỉ tranh chấp phần đất trống diện tích 207,6m² ông T5 chưa sử dụng. Nay ông bà yêu cầu ông T5 giao trả phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 389,4m², thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn ông Trần Thiện T5 trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông nội ông tên Trần Văn T7 tự khai phá, nhưng do là đất chôn mã, nên ông nội cũng như chú bác không ai sử dụng, cha ông là ông Trần Thiện L3 (chết năm 2009) và mẹ tên Nguyễn Ngọc T8 (có chồng khác nên không sinh sống tại địa phương) gìn giữ, cải tạo từ năm 1987, sau đó giao lại cho ông quản lý sử dụng cho đến nay với tổng diện tích 2.273,5m² (trong đó có phần đất tranh chấp). Trước đây, trên phần đất tranh chấp có rất nhiều ngôi mộ của những người khác ở địa phương chôn; khi thân nhân họ di dời mồ mã đi nơi khác ông là người trực tiếp san lấp cát vào những hố mồ mã đó, có những trường hợp ông cho tiền họ di dời mồ mã đi nơi khác. Trên phần đất tranh chấp ông có trồng cây ăn trái; nuôi gà, vịt và có 01 cái ao dùng để chứa nước thải sử dụng. Ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 608,6m²; phần còn lại do là đất chôn mã, nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên đất tranh chấp có tài sản là một hàng rào xây gạch, cột bê tông, lưới 40 do ông xây dựng, 01 chuồng gà xây cây gỗ địa phương có đóng vách thiếc do ông xây cất; 06 ngôi mộ (05 ngôi mộ đá và 01 ngôi mộ đất), trên đất còn có một số cây

trồng và 01 địa nuôi cá. Nay ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy C trình bày: Lý do ông đứng tên trên sổ mục kê phần đất tranh chấp là do ông Trần Thiện M2 kêu ông đứng tên dùm, vì lúc đó ông M2 sợ đóng thuế. Ông đứng tên sổ mục kê khoảng năm 2012, phần đất tranh chấp hiện nay do ông Trần Thiện T5 đang quản lý sử dụng. Ông xác định ông không liên quan đến phần đất này, vì ông chỉ là con rể, mảnh đất này do ông bà nội vợ để lại cho con cháu. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Trúc L2 trình bày: Bà là vợ ông Trần Thiện T5, bà thống nhất lời trình bày của ông T5 và không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, 217, 219, 228, 244, 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 651 Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; căn cứ Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện M (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm: Bà Nguyễn Thị H1, chị Trần Thị Xuân T1, anh Trần Văn T2, anh Trần Văn S, anh Trần Thiện T3, anh Trần Thiện T4 và chị Trần Thị L4).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Thiện H về việc yêu cầu ông Trần Thiện T5 giao trả phần đất diện tích 93,1m² thuộc một phần thửa số 251, tờ bản đồ 23; đất tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BP 505988, do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho ông Trần Thiện T5 ngày 25/6/2013.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Thiện H về việc yêu cầu ông Trần Thiện T5 giao trả phần đất có diện tích 389,4m², thuộc một phần thửa số 41, tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 41, có số đo 9,00m; 7,80m; 8,40m; 1,60m; 4,40m.
- Hướng Tây giáp thửa 291, có số đo 26,15m;
- Hướng Nam giáp thửa 251 và 41, có số đo 3,65m; 8,52m; 12,00m; 7,00m; 2,50m.
- Hướng Bắc giáp thửa 41, có số đo 5,80m; 6,00m; 14,10m.

(Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 05/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G là một phần của bản án này).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn là ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Thiện H kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn là ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T và ông Trần Thiện H do bà Trần Thị Tuyết N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Thiện T5 giao trả phần đất diện tích 389,4m², thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất này là của các nguyên đơn, không chứng minh được phần đất này do cụ T7 và cụ Q tặng cho. Mặt khác, từ trước đến nay các nguyên đơn không quản lý sử dụng phần đất tranh chấp; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Thiện H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Thiện H về hình thức, nội dung và được nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ

[2] Nguyên đơn ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện M, ông Trần Thiện H, bà Trần Thị Tuyết N, ông Trần Thiện T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Thiện T5 giao trả đất; Do đó đây là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án có đương sự là bà Trần Thị Tuyết cư T9 tại Hoa Kỳ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2021 ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện H, bà Trần Thị Tuyết N, bà Trần Thiện T khởi kiện yêu cầu ông Trần Thiện T5 giao trả phần đất chòm mả có diện tích 207,6m². Theo kết quả đo đạc thực tế và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp có tổng diện tích 482,5m² (trong đó có 389,4m² thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 23; diện tích 93,1m² thuộc một phần thửa 251, tờ bản đồ 23). Tại phiên toà sơ thẩm, các nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 93,1m² và rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 93,1m² nói trên; Do đó, Tòa sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với nội dung rút yêu cầu nêu là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng cụ Trần Văn T7 và cụ Nguyễn Thị Q (là cha mẹ nguyên đơn và là ông bà nội bị đơn). Diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Công văn số 880 ngày 18/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G thể hiện: *“Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 41, tờ bản đồ số 23 tại Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, trên sổ mục kê đứng tên Nguyễn Duy C.”*

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2024, ông Nguyễn Duy C xác định ông không liên quan gì đến phần đất tranh chấp, lý do ông đứng tên sổ mục kê năm 2012 là do ông Trần Thiện M2 (là anh của cha vợ ông) bảo ông đứng tên do sợ đóng thuế, nhưng thực tế phần đất trên do ông T5 quản lý sử dụng. Đồng thời, tại Tờ cam kết của vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Trần Thiện P xác nhận đứng tên hộ ông Trần Thiện T5 do ông T5 đi buôn bán không có nhà, nay giao lại cho ông T5 đứng tên.

Như vậy, có cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ nguyên đơn (ông bà nội bị đơn) khai phá và dùng để làm đất mả. Tuy nhiên, thời điểm họ còn sống không ai kê khai phần đất này nên chưa được Nhà nước xác lập quyền sở hữu. Khi cha mẹ nguyên đơn chết cũng không để lại di chúc hay có giấy tờ gì giao phần đất này cho các nguyên đơn quản lý, sử dụng. Trong khi đó, bị đơn là người quản lý sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1987 đến nay, nguyên đơn chưa từng sử dụng. Lời khai của bị đơn phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Trần Văn B, ông Nguyễn Đức L5, ông Trinh Văn P1, ông Trần Công Đ1... cũng xác định phần đất này của cha mẹ nguyên đơn và được sử dụng vào mục đích nghĩa địa của dân địa phương từ xưa đến nay, nhưng người quản lý là ông T5. Ông C cũng xác định ông chỉ đứng tên trên sổ mục kê dùm ông T5. Hiện nay phần đất này chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên toà, các nguyên đơn và bị đơn đều xác định gia đình các ông bà không có ai chôn cất người thân khi chết trên phần đất này, mà do người dân địa phương chôn cất người thân khi chết. Theo kết quả thẩm định xác định trên đất tranh chấp hiện còn 06 ngôi mộ (trong đó có 05 ngôi mộ đá và 01 ngôi mộ đất). Các nguyên đơn và bị đơn đều không biết thân nhân của những ngôi mộ này, nên Tòa án sơ thẩm

không xác định được thân nhân của các ngôi mộ để đưa tham gia tố tụng; mặt khác, phần đất này do có nhiều ngôi mộ của nhiều người cùng quản lý, sử dụng từ trước đến nay, nếu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thân nhân có các ngôi mộ. Do đó, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu. Tuy nhiên, do các nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí; nên chấp nhận miễn án phí cho các nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Thiện H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 217; Điều 219; Điều 228; Điều 24; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 651 Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện M (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm: Bà Nguyễn Thị H1, chị Trần Thị Xuân T1, anh Trần Văn T2, anh Trần Văn S, anh Trần Thiện T3, anh Trần Thiện T4 và chị Trần Thị L4).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Thiện H về việc yêu cầu ông Trần Thiện T5 giao trả phần đất diện tích 93,1m² thuộc một phần thửa số 251, tờ bản đồ 23; đất tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BP 505988, do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho ông Trần Thiện T5 ngày 25/6/2013.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện L, ông Trần Thiện T, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Thiện H về việc yêu cầu ông Trần Thiện T5 giao trả phần đất có diện tích 389,4m², thuộc một phần thửa số 41, tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 41, có số đo 9,00m; 7,80m; 8,40m; 1,60m; 4,40m.
- Hướng Tây giáp thửa 291, có số đo 26,15m;
- Hướng Nam giáp thửa 251 và 41, có số đo 3,65m; 8,52m; 12,00m; 7,00m; 2,50m.
- Hướng Bắc giáp thửa 41, có số đo 5,80m; 6,00m; 14,10m.

(Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 05/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G là một phần của bản án này).

[2] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được chấp nhận miễn án phí.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự (13);
- Lưu VP (6). HS (2). T26 (BA-36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long